

Số: 233/QĐ-QBVM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy chế quản lý nợ và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay
với lãi suất ưu đãi của Quỹ Bảo vệ môi trường thành phố Hồ Chí Minh**

**GIÁM ĐỐC QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Quyết định số 3588/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2013 của Ủy
ban nhân dân Thành phố về việc thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường thành phố
Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Ủy
ban nhân dân Thành phố về ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ
Bảo vệ môi trường thành phố Hồ Chí Minh;*

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổng hợp - Tín dụng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý nợ và xử lý
rủi ro trong hoạt động cho vay với lãi suất ưu đãi của Quỹ Bảo vệ môi trường
thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định
số 139/QĐ-QBVM ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi
trường Thành phố về ban hành Quy trình quản lý và xử lý nợ có vấn đề của Quỹ
Bảo vệ môi trường thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 147/QĐ-QBVM
ngày 02 tháng 08 năm 2018 của Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường Thành phố
về ban hành Quy chế về giới hạn cho vay, bảo lãnh vay vốn và phân loại, trích
lập, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động hỗ trợ tài chính của Quỹ
Bảo vệ môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trưởng phòng Tổng hợp-Tín dụng, Trưởng các phòng thuộc Quỹ
Bảo vệ môi trường thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức, cá nhân có liên quan
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, THTD. M. 4.

GIÁM ĐỐC
(Đã ký)

Huỳnh Phú Nam

**QUY CHẾ QUẢN LÝ NỢ VÀ XỬ LÝ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG
CHO VAY VỚI LÃI SUẤT ƯU ĐÃI CỦA QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 233 /QĐ-QBVMT ngày 09 tháng 11 năm
2020 của Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này hướng dẫn việc quản lý các khoản nợ và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay với lãi suất ưu đãi của Quỹ Bảo vệ môi trường thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là Quỹ BVMT TP.HCM).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng theo quy định tại Khoản 1, Điều 9 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ BVMT TP.HCM.
2. Quỹ BVMT TP.HCM và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vay vốn với lãi suất ưu đãi từ Quỹ BVMT TP.HCM.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ ngày đối tượng vay vốn nhận được khoản giải ngân đầu tiên của Quỹ BVMT TP.HCM cho đến thời điểm đối tượng vay vốn phải trả hết nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận đã ký kết giữa Quỹ BVMT TP.HCM và đối tượng vay vốn. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn cho vay là ngày lễ hoặc ngày nghỉ hàng tuần thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.
2. Kỳ hạn trả nợ là các khoảng thời gian trong thời hạn cho vay theo thỏa thuận đã ký kết giữa Quỹ BVMT TP.HCM và đối tượng vay vốn mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó đối tượng vay vốn phải trả một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay cho Quỹ BVMT TP.HCM.
3. Nợ quá hạn là một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đến kỳ hạn trả nợ mà đối tượng vay vốn không thực hiện ngay nghĩa vụ của mình đối với Quỹ BVMT TP.HCM.

4. Nợ xấu là các khoản nợ thuộc các nhóm 3, 4, 5 quy định tại khoản 1, Điều 6 Quy chế này.

5. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ là việc Quỹ BVMT TP.HCM chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ như sau:

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ là việc Quỹ BVMT TP.HCM chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay của kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận (bao gồm cả trường hợp không thay đổi về số kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận), thời hạn cho vay không thay đổi;

b) Gia hạn nợ là việc Quỹ BVMT TP.HCM chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay, vượt quá thời hạn cho vay đã thỏa thuận.

6. Rủi ro trong hoạt động cho vay với lãi suất ưu đãi của Quỹ BVMT TP.HCM (sau đây gọi tắt là rủi ro) là tổn thất có khả năng xảy ra đối với các khoản nợ của Quỹ BVMT TP.HCM do đối tượng vay vốn không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết.

7. Dự phòng rủi ro là số tiền được Quỹ BVMT TP.HCM trích lập từ chi phí để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra do đối tượng vay vốn không thực hiện đúng theo các nghĩa vụ đã cam kết. Dự phòng rủi ro gồm:

- Dự phòng cụ thể là số tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra đối với từng khoản nợ cụ thể.

- Dự phòng chung là số tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra nhưng chưa xác định được khi trích lập dự phòng cụ thể.

8. Khoanh nợ là việc Quỹ BVMT TP.HCM tạm thời chưa thu một phần hoặc toàn bộ nợ gốc, lãi của đối tượng vay vốn trong khoảng thời gian nhất định và không tính lãi phát sinh đối với số nợ (gốc, lãi) được khoanh trong thời gian khoanh nợ. Thời gian khoanh nợ không tính vào thời hạn cho vay đã thỏa thuận giữa Quỹ BVMT TP.HCM và đối tượng vay vốn.

9. Xóa nợ là việc Quỹ BVMT TP.HCM không thu một phần hoặc toàn bộ nợ gốc, lãi của đối tượng vay vốn đang còn dư nợ tại Quỹ BVMT TP.HCM.

10. Nợ có vấn đề là khoản vốn cấp cho đối tượng vay vốn không thu hồi được hoặc có dấu hiệu không thu hồi được theo thỏa thuận đã ký kết giữa Quỹ BVMT TP.HCM và đối tượng vay vốn, bao gồm những khoản vay trong hạn tiềm ẩn rủi ro, nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ nhưng có dấu hiệu không an toàn có thể dẫn tới rủi ro, nợ thanh toán không đúng kỳ hạn, đã trễ hạn thanh toán.

11. Nguyên nhân khách quan, bất khả kháng là các nguyên nhân như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, hỏa hoạn, chính sách Nhà nước thay đổi.

12. CIC là trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

13. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với đối tượng vay vốn thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty mẹ và công ty con và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại.

b) Công ty với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại.

c) Công ty với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty đó và ngược lại.

d) Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này.

đ) Công ty với cá nhân theo quy định tại điểm d khoản này của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty đó và ngược lại.

e) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau.

Chương II

PHÂN LOẠI VÀ QUẢN LÝ NỢ

Điều 4. Giới hạn cho vay

1. Tổng mức dư nợ cho vay của Quỹ BVMT TP.HCM đối với một đối tượng vay vốn không vượt quá 15% vốn tự có của Quỹ BVMT TP.HCM.

2. Tổng mức dư nợ cho vay của Quỹ BVMT TP.HCM đối với một đối tượng vay vốn và người có liên quan không vượt quá 25% vốn tự có của Quỹ BVMT TP.HCM.

3. Các giới hạn cho vay quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không áp dụng đối với phần cho vay thuộc các trường hợp sau:

a) Cho vay có bảo đảm toàn bộ bằng tiền gửi, kể cả tiền gửi tiết kiệm, tiền ký quỹ tại tổ chức tín dụng.

b) Cho vay được Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo bằng văn bản.

Điều 5. Thời điểm phân loại nợ

1. Ít nhất mỗi quý một lần, trong 15 (mười lăm) ngày đầu tiên của tháng đầu tiên của mỗi quý, Quỹ BVMT TP.HCM sẽ thực hiện phân loại nợ đến thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của quý trước, căn cứ vào khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy chế này và gửi kết quả tự phân loại nợ cho CIC.

2. Riêng đối với quý cuối cùng của kỳ kế toán năm, trong 15 (mười lăm) ngày làm việc đầu tiên của tháng cuối cùng, Quỹ BVMT TP.HCM thực hiện phân loại nợ đến thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của tháng thứ hai quý cuối cùng của kỳ kế toán.

Điều 6. Nguyên tắc phân loại nợ

1. Quỹ BVMT TP.HCM thực hiện phân loại nợ theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy chế này và phải sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với đối tượng vay vốn do CIC cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ. Trường hợp nợ của đối tượng vay vốn được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Quỹ BVMT TP.HCM điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

2. Toàn bộ số dư nợ của một đối tượng vay vốn tại Quỹ BVMT TP.HCM được phân loại vào cùng một nhóm nợ. Đối với đối tượng vay vốn có từ hai khoản nợ trở lên mà có bất cứ một khoản nợ nào bị phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn các khoản nợ khác thì Quỹ BVMT TP.HCM sẽ phân loại lại các khoản nợ còn lại của đối tượng vay vốn đó vào nhóm có mức độ rủi ro cao nhất.

Điều 7. Phân loại nợ theo phương pháp định lượng

1. Quỹ BVMT TP.HCM thực hiện phân loại nợ theo 05 nhóm như sau:

a) Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn) bao gồm:

- Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn.

- Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.

- Nợ được phân loại vào nhóm 1 theo quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Nhóm 2 (Nợ cần chú ý) bao gồm:

- Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày.

- Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.

- Nợ được phân loại vào nhóm 2 theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

c) Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn) bao gồm:

- Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày.
- Nợ gia hạn nợ lần đầu.
- Nợ được miễn hoặc giảm lãi do đối tượng vay vốn không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng.

- Nợ đang thu hồi theo kết luận thanh tra.

- Nợ được phân loại vào nhóm 3 theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

d) Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ) bao gồm:

- Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày.
- Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu.

- Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai.

- Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.

- Nợ được phân loại vào nhóm 4 theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

e) Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn) bao gồm:

- Nợ quá hạn trên 360 ngày.
- Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu.

- Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai.

- Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn.

- Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.

- Nợ được phân loại vào nhóm 5 theo quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với nợ quá hạn, Quỹ BVMT TP.HCM phân loại lại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn (kể cả nhóm 1) khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Đối tượng vay vốn đã trả đầy đủ phần nợ gốc và lãi bị quá hạn (kể cả lãi áp dụng đối với nợ gốc và lãi quá hạn) và nợ gốc và lãi của các kỳ hạn trả nợ

tiếp theo trong thời gian tối thiểu 03 (ba) tháng đối với nợ trung và dài hạn, 01 (một) tháng đối với nợ ngắn hạn, kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn.

- Có tài liệu, hồ sơ chứng minh việc đối tượng vay vốn đã trả nợ.

- Quỹ BVMT TP.HCM có đủ cơ sở thông tin, tài liệu đánh giá đối tượng vay vốn có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.

b) Đối với nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ, Quỹ BVMT TP.HCM phân loại lại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn (kể cả nhóm 1) khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Đối tượng vay vốn đã trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại trong thời gian tối thiểu 03 tháng đối với nợ trung và dài hạn, 01 (một) tháng đối với nợ ngắn hạn, kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo thời hạn được cơ cấu lại.

- Có tài liệu, hồ sơ chứng minh việc đối tượng vay vốn đã trả nợ.

- Quỹ BVMT TP.HCM có đủ cơ sở thông tin, tài liệu để đánh giá đối tượng vay vốn có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn đã được cơ cấu lại.

3. Nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn trong các trường hợp sau đây:

a) Xảy ra các biến động bất lợi trong môi trường, lĩnh vực kinh doanh tác động tiêu cực trực tiếp đến khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn (thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, môi trường kinh tế).

b) Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, tỷ lệ nợ trên vốn, dòng tiền, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn suy giảm liên tục hoặc có biến động lớn theo chiều hướng suy giảm qua 03 lần đánh giá, phân loại nợ liên tục.

c) Đối tượng vay vốn không cung cấp đầy đủ, kịp thời và trung thực các thông tin tài chính theo yêu cầu của Quỹ BVMT TP.HCM để đánh giá khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn.

d) Khoản nợ đã được phân loại vào nhóm 2, nhóm 3, nhóm 4 theo quy định tại điểm a, b và c khoản này từ 01 (một) năm trở lên nhưng không đủ điều kiện phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn.

Điều 8. Phân loại nợ theo phương pháp định tính

1. Quỹ BVMT TP.HCM phân loại nợ theo 05 nhóm như sau:

a) Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn) bao gồm: Các khoản nợ được Quỹ BVMT TP.HCM đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn.

b) Nhóm 2 (Nợ cần chú ý) bao gồm: Các khoản nợ được Quỹ BVMT TP.HCM đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi nhưng có dấu hiệu đối tượng vay vốn suy giảm khả năng trả nợ.

c) Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn) bao gồm: Các khoản nợ được Quỹ BVMT TP.HCM đánh giá là không có khả năng thu hồi nợ gốc và lãi khi đến hạn. Các khoản nợ này được Quỹ BVMT TP.HCM đánh giá là có khả năng tổn thất.

d) Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ) bao gồm: Các khoản nợ được Quỹ BVMT TP.HCM đánh giá là có khả năng tổn thất cao.

e) Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn) bao gồm: Các khoản nợ được Quỹ BVMT TP.HCM đánh giá là không còn khả năng thu hồi, mất vốn.

Điều 9. Thu nợ

1. Đối tượng vay vốn được trả nợ trước hạn cho Quỹ BVMT TP.HCM.

2. Quỹ BVMT TP.HCM và đối tượng vay vốn thỏa thuận thứ tự thu nợ gốc và lãi tiền vay.

Đối với khoản nợ quá hạn, Quỹ BVMT TP.HCM thực hiện thu nợ theo nguyên tắc: Tận thu gốc trước và tận thu lãi sau (thứ tự ưu tiên: lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí).

3. Quỹ BVMT TP.HCM được quyền xử lý tài sản đảm bảo tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quản lý nợ

1. Việc quản lý các khoản nợ tại Quỹ BVMT TP.HCM được thực hiện theo Quy trình nội bộ quản lý nợ của Quỹ BVMT TP.HCM.

2. Trong quá trình cho vay, Quỹ BVMT TP.HCM thực hiện việc kiểm tra định kỳ/đột xuất quá trình sử dụng vốn vay và tài sản đảm bảo; thường xuyên theo dõi, thu thập thông tin liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh, nguồn trả nợ, thiện chí trả nợ của đối tượng vay vốn và thực trạng tài sản đảm bảo để phát hiện kịp thời và hạn chế nợ có vấn đề nhằm gia tăng hiệu quả thu hồi nợ

Chương III XỬ LÝ RỦI RO

Điều 11. Phương án xử lý rủi ro

1. Đối tượng vay vốn gặp khó khăn tạm thời, do nguyên nhân khách quan mà mức độ tác động không lớn và được Quỹ BVMT TP.HCM đánh giá có khả năng trả nợ đầy đủ không quá 20 ngày sau thời điểm đến hạn trả nợ thì chuyên viên thụ lý lập tờ trình trình lãnh đạo phòng Tổng hợp - Tín dụng đề xuất Giám đốc Quỹ BVMT TP.HCM xem xét, quyết định chuyển nợ quá hạn, đồng thời

tiếp tục tích cực đôn đốc, nhắc nhở đối tượng vay vốn trả nợ; theo dõi và cập nhật tiền phạt quá hạn, lý lịch và thiện chí trả nợ của đối tượng vay vốn.

2. Đối tượng vay vốn gặp rủi ro từ nguyên nhân khách quan, bất khả kháng dẫn đến khó khăn về tài chính tạm thời, dòng tiền trả nợ bị suy giảm, không thể trả nợ theo đúng như thỏa thuận với Quỹ BVMT TP.HCM và được Quỹ BVMT TP.HCM đánh giá có khả năng trả được nợ đầy đủ nếu được cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì Giám đốc Quỹ BVMT TP.HCM xem xét, quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho đối tượng vay vốn. Các phương án cơ cấu lại thời hạn trả nợ bao gồm:

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ: Đối tượng vay vốn được Quỹ BVMT TP.HCM đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi vay theo kỳ hạn trả nợ được điều chỉnh, thì Quỹ BVMT TP.HCM xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi vay đó phù hợp với nguồn trả nợ của khách hàng; thời hạn cho vay không thay đổi.

b) Gia hạn nợ vay: Đối tượng vay vốn được Quỹ BVMT TP.HCM đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi vay trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn cho vay, thì Quỹ BVMT TP.HCM xem xét cho gia hạn nợ gốc và/hoặc lãi vay với thời hạn phù hợp với nguồn trả nợ của khách hàng.

Thời gian gia hạn nợ tối đa không quá 1/3 thời gian cho vay theo thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng tín dụng giữa Quỹ BVMT TP.HCM và đối tượng vay vốn. Trường hợp đặc biệt, nếu đối tượng vay vốn đề nghị gia hạn nợ vượt khung thời gian quy định, Giám đốc Quỹ BVMT TP.HCM có trách nhiệm kiểm tra xác nhận nhu cầu gia hạn nợ trình Hội đồng quản lý Quỹ BVMT TP.HCM xem xét, quyết định.

Trong thời gian gia hạn nợ gốc/lãi, đối tượng vay vốn vẫn phải trả lãi tiền vay/nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến hết thời hạn được gia hạn nợ. Trường hợp đến hạn trả nợ gốc hoặc nợ lãi theo thỏa thuận mà đối tượng vay vốn không trả nợ đúng hạn thì toàn bộ số nợ (bao gồm cả số nợ gốc và/hoặc nợ lãi được gia hạn) sẽ bị tính lãi phạt chậm trả theo tỷ lệ 150% lãi suất cho vay trong hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (tính theo số ngày thực tế chậm trả).

3. Đối tượng vay vốn gặp rủi ro từ nguyên nhân khách quan, bất khả kháng ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh (không còn nguồn cung cấp nguyên vật liệu; mặt hàng sản xuất, kinh doanh bị cấm...) dẫn đến đối tượng vay vốn không thu xếp được nguồn trả nợ, thu nhập khác không đủ để trả nợ, giá trị tài sản đảm bảo bị giảm sút không đủ đảm bảo cho dư nợ còn lại...và

được Quỹ BVMT TP.HCM đánh giá không trả được nợ đầy đủ nếu được Quỹ BVMT TP.HCM cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì tùy theo từng trường hợp cụ thể, Quỹ BVMT TP.HCM xem xét lựa chọn các phương án xử lý nợ như sau:

a) Xử lý tài sản đảm bảo

Quỹ BVMT TP.HCM thực hiện xử lý tài sản đảm bảo theo Quy chế bảo đảm của Quỹ BVMT TP.HCM.

b) Miễn, giảm lãi tiền vay

Sau khi đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ mà đối tượng vay vốn vẫn tiếp tục gặp khó khăn thì được xem xét giảm hoặc miễn lãi tiền vay. Hội đồng quản lý Quỹ BVMT TP.HCM xem xét, quyết định việc giảm hoặc miễn lãi tiền vay trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ BVMT TP.HCM.

c) Khoanh nợ

- Đối tượng vay vốn được xem xét khoanh nợ tối đa là 03 năm tính từ ngày đối tượng vay vốn gặp rủi ro.

- Trường hợp hết thời gian khoanh nợ, đối tượng vay vốn vẫn gặp khó khăn, chưa có khả năng trả nợ sẽ được xem xét tiếp tục cho khoanh nợ với thời gian tối đa không vượt quá thời gian đã được khoanh nợ lần trước theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

d) Xóa nợ: Việc xóa nợ một phần hay toàn bộ nợ vay cho đối tượng vay vốn được xem xét trong các trường hợp sau:

- Sau khi đã hết thời gian khoanh nợ (kể cả trường hợp được khoanh nợ bổ sung) mà đối tượng vay vốn vẫn không có khả năng trả nợ và Quỹ BVMT TP.HCM đã áp dụng các biện pháp tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán.

- Đối tượng vay vốn có quyết định giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật mà không còn pháp nhân, không còn vốn, tài sản để trả nợ cho Quỹ BVMT TP.HCM và Quỹ BVMT TP.HCM đã áp dụng các biện pháp tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán.

- Đối tượng vay vốn là cá nhân bị chết, mất tích.

4. Đối tượng vay vốn gặp rủi ro từ nguyên nhân khách quan, bất khả kháng làm tổn thất toàn bộ hay một phần tài sản, được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận mức độ thiệt hại và đối tượng vay vốn không còn hoặc giảm khả năng trả nợ, thì đối tượng vay vốn sử dụng toàn bộ số tiền bảo hiểm được bồi thường từ cơ quan bảo hiểm (nếu có) để trả nợ cho Quỹ BVMT TP.HCM. Số nợ còn lại được xem xét gia hạn nợ, giảm hoặc miễn lãi tiền vay, xóa nợ một phần hoặc toàn bộ tùy theo mức độ thiệt hại của dự án và khả năng trả nợ thực tế của đối tượng vay vốn.

5. Đối tượng vay vốn gặp rủi ro do nguyên nhân chủ quan như làm tổn thất một phần hoặc toàn bộ tài sản đảm bảo; chây ỳ, không có thiện chí trả nợ; hoạt động kinh doanh không hiệu quả; có tranh chấp dân sự với bên thứ ba...thì tùy từng trường hợp cụ thể, sau khi đã áp dụng các biện pháp thu hồi nợ, Giám đốc Quỹ BVMT TP.HCM xem xét quyết định không cơ cấu lại thời hạn trả nợ, dừng thực hiện hợp đồng, thu hồi nợ trước hạn hoặc khởi kiện đối tượng vay vốn ra tòa án.

Đối với khoản nợ được xử lý thông qua khởi kiện, Quỹ BVMT TP.HCM tiến hành các hồ sơ, thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Đối với các khoản nợ đã có phán quyết có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhưng đối tượng vay vốn không còn khả năng trả nợ (đối tượng vay vốn là tổ chức bị giải thể, phá sản; cá nhân bị chết, mất tích) thì Quỹ BVMT TP.HCM xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật.

7. Tùy theo tình hình thực tế, Giám đốc Quỹ BVMT TP.HCM thành lập Ban xử lý nợ chuyên trách để xử lý những khoản nợ có vấn đề có giá trị lớn, phức tạp và đặc thù. Hoạt động của Ban xử lý nợ được thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban xử lý nợ của Quỹ BVMT TP.HCM.

Điều 12. Hồ sơ đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ; xử lý tài sản đảm bảo; miễn, giảm lãi tiền vay; khoan nợ; xóa nợ

Trường hợp đối tượng vay vốn nhận thấy không thể trả nợ đúng hạn theo thỏa thuận thì tối thiểu 30 ngày trước thời hạn trả nợ đã cam kết, đối tượng vay vốn gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Quỹ BVMT TP.HCM 01 bộ hồ sơ gồm:

1. Đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ
 - a) 01 Đơn đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ nêu rõ nguyên nhân không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn, nội dung đề nghị (số kỳ hạn điều chỉnh, thời điểm bắt đầu trả nợ...), khả năng trả nợ, phương án trả nợ dự kiến.
 - b) Các hồ sơ chứng minh và hồ sơ khác có liên quan.
2. Đối với trường hợp đề nghị gia hạn nợ, khoan nợ
 - a) 01 Đơn đề nghị gia hạn nợ, khoan nợ nêu rõ nguyên nhân gây thiệt hại; mức độ thiệt hại về vốn và tài sản; khả năng trả nợ; số tiền dư nợ gốc và lãi còn phải trả Quỹ BVMT TP.HCM; số tiền đề nghị gia hạn nợ, khoan nợ.
 - b) 01 Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản do đối tượng vay vốn lập có xác nhận của cá nhân, tổ chức có thẩm quyền.
 - c) 01 Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất (trường hợp pháp nhân).

d) 01 Phương án khôi phục sản xuất, kinh doanh và kế hoạch trả nợ sau khi được gia hạn nợ, khoan nợ.

e) Các hồ sơ chứng minh và hồ sơ khác có liên quan.

3. Đối với trường hợp đề nghị xử lý tài sản đảm bảo

a) 01 Đơn đề nghị xử lý tài sản đảm bảo nêu rõ lý do phải xử lý tài sản đảm bảo; khả năng trả nợ; phương án xử lý tài sản đảm bảo; số tiền dư nợ gốc và lãi còn phải trả Quỹ BVMT TP.HCM.

b) 01 Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất (trường hợp pháp nhân).

c) Các hồ sơ chứng minh và hồ sơ khác có liên quan.

4. Đối với trường hợp đề nghị miễn, giảm lãi tiền vay

a) 01 Đơn đề nghị miễn, giảm lãi tiền vay nêu rõ nguyên nhân gây thiệt hại; mức độ thiệt hại về vốn và tài sản; khả năng trả nợ; số tiền dư nợ gốc và lãi còn phải trả Quỹ BVMT TP.HCM; số tiền đề nghị miễn, giảm.

b) 01 Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản do đối tượng vay vốn lập có xác nhận của cá nhân, tổ chức có thẩm quyền.

c) 01 Phương án khôi phục sản xuất, kinh doanh và kế hoạch trả nợ sau khi được miễn, giảm lãi tiền vay.

d) Các hồ sơ chứng minh và hồ sơ khác có liên quan.

5. Đối với trường hợp đề nghị xóa nợ

a) 01 Đơn đề nghị xóa nợ nêu rõ nguyên nhân dẫn đến rủi ro không trả được nợ; mức độ thiệt hại về vốn và tài sản; khả năng trả nợ; số tiền gốc và lãi đang còn nợ Quỹ BVMT TP.HCM; số tiền gốc và lãi xin xóa nợ.

b) 01 Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tuyên bố của Tòa án và các văn bản liên quan đến việc thanh lý tài sản đối với trường hợp đối tượng vay vốn là pháp nhân, tổ chức kinh tế đã phá sản, giải thể.

c) 01 Bản sao giấy chứng tử, giấy xác nhận hoặc quyết định tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật đối với trường hợp đối tượng vay vốn là cá nhân bị chết, mất tích.

d) Các hồ sơ chứng minh và hồ sơ khác có liên quan.

Điều 13. Thẩm quyền và trách nhiệm xử lý rủi ro

1. Giám đốc Quỹ BVMT TP.HCM xem xét, quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ BVMT TP.HCM xem xét, quyết định khoan nợ; miễn, giảm lãi tiền vay trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ BVMT TP.HCM.

3. Đối với khoản nợ mà việc cho vay thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Quỹ BVMT TP.HCM thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ; miễn, giảm lãi tiền vay, khoan nợ theo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với từng trường hợp cụ thể.

4. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ BVMT TP.HCM trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định xóa nợ gốc cho đối tượng vay vốn. Trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá quỹ dự phòng rủi ro tại Quỹ BVMT TP.HCM, chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ BVMT TP.HCM trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Chương IV

TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG QUỸ DỰ PHÒNG ĐỂ XỬ LÝ RỦI RO

Điều 14. Mức trích lập dự phòng cụ thể

1. Số tiền dự phòng cụ thể phải trích đối với từng đối tượng vay vốn được tính theo công thức sau:

$$R = \sum_{i=1}^n Ri$$

Trong đó:

- R: Tổng số tiền dự phòng cụ thể phải trích của từng đối tượng vay vốn.

- $\sum_{i=1}^n Ri$: là tổng số tiền dự phòng cụ thể của từng đối tượng vay vốn từ số

dư nợ thứ 1 đến thứ n.

- Ri: là số tiền dự phòng cụ thể phải trích của từng đối tượng vay vốn đối với số dư nợ gốc của khoản nợ thứ i. Ri được xác định theo công thức:

$$Ri = (Ai - Ci) \times r$$

Trong đó:

Ai: Số dư nợ gốc thứ i.

Ci: giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm của khoản nợ thứ i.

r: tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể theo nhóm được quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp $Ci > Ai$ thì Ri được tính bằng 0.

2. Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ quy định tại khoản 1, Điều 7 Quy chế này như sau:

a) Nhóm 1: 0%;

- b) Nhóm 2: 5%;
- c) Nhóm 3: 20%;
- d) Nhóm 4: 50%;
- e) Nhóm 5: 100%.

3. Tài sản bảo đảm để khấu trừ khi tính số tiền dự phòng cụ thể (R) quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Quỹ BVMT TP.HCM có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo các thỏa thuận đã ký kết và theo quy định của pháp luật khi đối tượng vay vốn không thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

b) Thời gian xử lý tài sản đảm bảo theo dự kiến không quá 01 (một) năm đối với tài sản đảm bảo không phải là bất động sản và không quá 02 (hai) năm đối với tài sản đảm bảo là bất động sản, kể từ khi Quỹ BVMT TP.HCM có quyền thực hiện xử lý tài sản đảm bảo.

c) Tài sản bảo đảm phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

4. Giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm được xác định bằng tích số giữa giá trị của tài sản bảo đảm quy định tại khoản 5 Điều này với tỷ lệ khấu trừ đối với từng loại tài sản bảo đảm quy định tại khoản 6 Điều này.

Quỹ BVMT TP.HCM tự xác định tỷ lệ khấu trừ đối với từng loại tài sản bảo đảm trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi khi xử lý tài sản bảo đảm đó nhưng không được vượt quá tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với từng loại tài sản bảo đảm quy định tại khoản 6 Điều này.

5. Giá trị của tài sản bảo đảm được xác định như sau:

a) Vàng miếng: Giá mua vào tại trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng sở hữu nhãn hiệu vàng miếng tại thời điểm cuối ngày trước ngày trích lập dự phòng cụ thể. Trường hợp giá mua vào không được niêm yết thì giá trị vàng miếng được xác định theo quy định tại điểm c khoản này.

b) Trái phiếu Chính phủ được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán: Giá tham chiếu tại Sở giao dịch chứng khoán tại thời điểm cuối ngày trước ngày trích lập dự phòng cụ thể hoặc tại thời điểm gần nhất trước ngày trích lập dự phòng cụ thể (nếu không có giá tham chiếu tại thời điểm cuối ngày trước ngày trích lập dự phòng cụ thể).

c) Động sản, bất động sản và các loại tài sản bảo đảm khác: Giá trị của tài sản bảo đảm được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật. Trường hợp không có văn bản định giá tài sản bảo đảm thì giá trị tài sản bảo đảm phải coi bằng không.

6. Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với tài sản bảo đảm:

a) Tiền gửi của đối tượng vay vốn bằng Đồng Việt Nam: 100%.

b) Vàng miếng, trừ vàng miếng quy định tại điểm e khoản này; tiền gửi của đối tượng vay vốn bằng ngoại tệ: 95%.

c) Trái phiếu Chính phủ:

- Có thời hạn còn lại dưới 1 năm: 95%.

- Có thời hạn còn lại từ 1 năm đến 5 năm: 85%.

- Có thời hạn còn lại trên 5 năm: 80%.

d) Bất động sản: 50%.

e) Vàng miếng không có giá niêm yết, vàng khác và các loại tài sản bảo đảm khác: 30%.

Điều 15. Mức trích lập dự phòng chung

Số tiền dự phòng chung phải trích được xác định bằng 0,75% tổng số dư các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4 quy định tại Khoản 1, Điều 7 Quy chế này.

Điều 16. Bổ sung và hoàn nhập số tiền dự phòng

1. Trường hợp số tiền dự phòng cụ thể và dự phòng chung còn lại của quý trước nhỏ hơn số tiền dự phòng cụ thể và dự phòng chung phải trích của quý trích lập, Quỹ BVMT TP.HCM phải trích bổ sung phần chênh lệch thiếu.

2. Trường hợp số tiền dự phòng cụ thể và dự phòng chung còn lại của quý trước lớn hơn số tiền dự phòng cụ thể và dự phòng chung phải trích của quý trích lập, Quỹ BVMT TP.HCM phải hoàn nhập phần chênh lệch thừa.

Điều 17. Sử dụng quỹ dự phòng để xử lý rủi ro

1. Trường hợp sử dụng quỹ dự phòng để xử lý rủi ro:

a) Đối tượng vay vốn là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật, cá nhân bị chết, mất tích;

b) Các khoản nợ được phân loại vào nhóm 5 theo quy định tại Khoản 1, Điều 7 Quy chế này.

2. Nguyên tắc sử dụng quỹ dự phòng để xử lý rủi ro

a) Sử dụng dự phòng cụ thể trích lập theo quy định tại Khoản 1, Điều 14 Quy chế này để xử lý rủi ro đối với các khoản nợ đó.

b) Trường hợp dự phòng cụ thể không đủ để xử lý khoản nợ, Quỹ BVMT TP.HCM tiến hành việc phát mại tài sản bảo đảm theo thỏa thuận với đối tượng vay vốn và theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

c) Đối với các khoản nợ có bảo lãnh của ngân hàng: yêu cầu ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

d) Trường hợp sử dụng dự phòng cụ thể và số tiền thu được từ phát mại tài sản, tiền thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh không đủ bù đắp rủi ro của khoản nợ thì phải sử dụng dự phòng chung để xử lý.

3. Xử lý số tiền thu hồi được từ nợ đã xử lý rủi ro

Số tiền thu hồi được từ nợ đã xử lý rủi ro, kể cả số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, được coi là thu nhập khác trong kỳ kế toán của Quỹ BVMT TP.HCM.

Điều 18. Hội đồng xử lý rủi ro

Trường hợp phải sử dụng quỹ dự phòng để xử lý rủi ro, Giám đốc Quỹ BVMT TP.HCM thành lập Hội đồng xử lý rủi ro. Hội đồng có trách nhiệm đánh giá, tổng hợp và đề xuất phương án sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, trình Giám đốc Quỹ BVMT TP.HCM đề xuất Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ BVMT TP.HCM xem xét, quyết định các nội dung sau:

- Kết quả phân loại nợ và cam kết ngoại bảng.
- Kết quả thu hồi nợ, kết quả xử lý tài sản bảo đảm và phương án sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro.
- Các biện pháp thu hồi nợ sau khi sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và phương án xử lý số tiền thu hồi được từ nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro.

Điều 19. Trách nhiệm của Quỹ BVMT TP.HCM đối với việc xử lý rủi ro

a) Việc sử dụng quỹ dự phòng để xử lý rủi ro để hạch toán các khoản nợ liên quan vào tài khoản ngoại bảng phù hợp và theo dõi, đôn đốc, thu nợ là công việc nội bộ của Quỹ BVMT TP.HCM, không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ của đối tượng vay vốn đối với khoản nợ được xử lý rủi ro. Sau khi xử lý rủi ro, Quỹ BVMT TP.HCM phải có các biện pháp thu hồi nợ đầy đủ, triệt để và tiếp tục theo dõi, thu hồi nợ đối với khoản nợ được xử lý rủi ro theo hợp đồng tín dụng, cam kết đã thỏa thuận với đối tượng vay vốn.

b) Sau thời gian tối thiểu 05 năm kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và đã thực hiện tất cả các biện pháp của Hội đồng xử lý rủi ro để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được, Quỹ BVMT TP.HCM được quyết định xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng sau khi báo cáo và được Ủy ban nhân dân TP.HCM chấp thuận bằng văn bản.

c) Việc xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng chỉ được thực hiện khi có đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh đã thực hiện mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu được nợ.

d) Hồ sơ đối với khoản nợ đã được xuất toán ra khỏi ngoại bảng phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật, trong đó bao gồm cả hồ sơ xử lý rủi ro và toàn bộ tài liệu chứng minh Quỹ BVMT TP.HCM đã thực hiện tất cả các biện pháp để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Quỹ BVMT TP.HCM xem xét, quyết định phương án xử lý nợ có vấn đề theo các quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Phòng Tổng hợp - Tín dụng quản lý, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay của đối tượng vay vốn; báo cáo và đề xuất Giám đốc Quỹ BVMT TP.HCM các nội dung liên quan đến việc xử lý nợ có vấn đề, bao gồm các vướng mắc hoặc tình tiết phát sinh có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Quỹ BVMT TP.HCM liên quan đến từng vụ việc cụ thể.

3. Phòng Kế toán thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng định kỳ, đầy đủ theo quy định; tham mưu, đề xuất Giám đốc Quỹ BVMT TP.HCM các nội dung liên quan đến sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro.

4. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, phòng Tổng hợp - Tín dụng tổng hợp, báo cáo Giám đốc Quỹ BVMT TP.HCM xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Huỳnh Phú Nam